

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2025.

“V/v yêu cầu không công nhận
mối quan hệ vợ, chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Phạm Thanh Tâm
2/. Bà Huỳnh Khiết Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không có

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025 về việc “Yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ, chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tạ Quốc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2025 của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N thì: Vào năm 1993 bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tạ Quốc H tự nguyện chung sống với nhau, được 02 gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông, bà có 02 con chung tên Tạ Thị H1, sinh ngày 26/12/1993 và Tạ Hoàng H2, sinh ngày 12/11/1997.

Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, bà N ông H phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông H không lo kinh tế gia đình, cư xử

thiếu tôn trọng bà N. Gần đây ông H còn có hành vi bạo lực với bà, từ đó tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Nay bà N thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Tạ Quốc H là vợ, chồng.

Về con chung: Hai con chung tên Tạ Thị H1, sinh ngày 26/12/1993 và Tạ Hoàng H2, sinh ngày 12/11/1997, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng tự lao động, nên bà N không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Tạ Quốc H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Tạ Quốc H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tạ Quốc H được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà N cho rằng trong quá trình sống chung, ông H cư xử thiếu tôn trọng bà, có hành vi bạo lực với bà, hai bên tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Bà Ngọc N1 thấy không thể tiếp tục sống chung với ông H3 nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông H là vợ, chồng. Còn ông Tạ Quốc H đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3] Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Khoản 2 Điều 53 Luật này quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Như vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N về việc không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Tạ Quốc H là vợ, chồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị Kim N xác định bà và ông H có hai người con chung là Tạ Thị H1, sinh ngày 26/12/1993 và Tạ Hoàng H2, sinh ngày 12/11/1997 đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên bà không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con, ông H cũng không có ý kiến liên quan đến vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu giải quyết, ông Tạ Quốc H không có ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tạ Quốc H là vợ, chồng.

2/. Về con chung: các con chung tên Tạ Thị H1, sinh ngày 26/12/1993 và Tạ Hoàng H2, sinh ngày 12/11/1997 đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tạ Quốc H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu giải quyết, và ông Tạ Quốc H không có ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001282 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp xong án phí sơ thẩm. Ông Tạ Quốc H không phải chịu án phí.

5/. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Trinh Phú, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tư

